

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**
Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

00
ÔN
NH
TOA
AI
XU

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp trực thuộc Cảng Hải Phòng, thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 2714/2000/QĐ-BGTVT ngày 18/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Kinh doanh số 0203000025 ngày 18 tháng 10 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, sửa đổi lần 1 ngày 25/02/2004, lần 2 ngày 16/03/2006, lần 3 ngày 10/4/2007, lần 4 ngày 23/10/2007, lần 5 ngày 05/02/2008, lần thứ 6 ngày 15/08/2009.
- Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận Kinh doanh là 17.249.420.000 đồng, vốn thực góp đến ngày 31/12/2009 là 17.249.420.000 đồng.
Trong đó: - Vốn Nhà nước chiếm 18,65% tổng số Vốn Điều lệ, tương đương 3.217.500.000 đồng (321.750 cổ phần).
- Vốn các cổ đông khác chiếm 81,35 % tổng số Vốn Điều lệ, tương đương 14.031.920.000 đồng (1.403.192 cổ phần).
- Trụ sở chính của Công ty:
Địa chỉ : Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Điện thoại : (031) 3 859 809.
Fax : (031) 3 827 848.
- Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh và dịch vụ hàng hải (bao gồm: Vận tải thủy, vận tải đường bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hoá và cung ứng hàng hải); Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh nhà ăn, nhà nghỉ, cho thuê văn phòng; Đại lý bán lẻ xăng dầu, chất đốt, xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại; Đại lý tàu biển; Dịch vụ vệ sinh tàu biển; Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá siêu trường, siêu trọng bằng đường bộ và đường thủy; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thang máy; Sửa chữa thiết bị điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Sửa chữa nhà, xưởng, kho tàng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 4 đến trang 21 được đính kèm Báo cáo này.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Văn Tiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Anh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Việt	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Anh	Ủy viên
Bà Đào Thị Tâm	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hà Văn Tiến	Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Anh	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính (IFC-ACAGroup) - *Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International.*

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 4 đến trang 21, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Chạy mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hà Văn Tiến
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 5 tháng 3 năm 2010



Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính:
P. 1501, Tầng 15, Tòa nhà 17T-1
Trung hòa - Nhân Chính, Hà Nội
Tel : (84 4) 62 811 488
Fax: (84 4) 62 811 499
E-mail : contact@ifc-acagroup.vn
Website: www.ifc-acagroup.vn

Số.31/BCKT 2010-2

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 1 đến trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính từ trang 4 đến trang 21. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chúng tôi Kiểm toán viên số 1022/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
(IFC-ACAGroup)
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International
Hà Nội, ngày 5 tháng 3 năm 2010

Lương Thị Thúy
Kiểm toán viên
Chúng tôi Kiểm toán viên số 1148/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		48.688.168.750	22.947.592.065
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		29.304.196.789	11.527.349.350
1. Tiền	111	5.1	29.304.196.789	11.527.349.350
III. Phải thu ngắn hạn	130		18.399.886.040	10.567.072.511
1. Phải thu khách hàng	131		18.335.003.649	10.411.333.737
2. Trả trước cho người bán	132		-	45.000.020
5. Các khoản phải thu khác	135		64.882.391	110.738.754
IV. Hàng tồn kho	140		968.390.085	613.312.429
1. Hàng tồn kho	141	5.2	968.390.085	613.312.429
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.695.836	239.857.775
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.695.836	239.857.775
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		25.248.579.749	27.192.768.434
II. Tài sản cố định	220		12.774.074.763	14.156.032.458
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.3	12.528.170.080	14.156.032.458
- Nguyên giá	222		23.621.507.948	23.257.243.351
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.093.337.868)	(9.101.210.893)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.4	15.305.554	-
- Nguyên giá	228		34.000.000	15.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.694.446)	(15.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.5	230.599.129	-
III. Bất động sản đầu tư	240	5.6	11.685.913.744	12.286.615.156
- Nguyên giá	241		14.837.227.918	14.837.227.918
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(3.151.314.174)	(2.550.612.762)
V. Tài sản dài hạn khác	260		788.591.242	750.120.820
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	720.451.396	700.120.820
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.8	68.139.846	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	50.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		73.936.748.499	50.140.360.499

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		47.222.874.422	29.328.543.957
I. Nợ ngắn hạn	310		46.223.712.888	26.718.871.422
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	16.234.490.777	19.608.655.121
2. Phải trả người bán	312		1.986.436.428	2.107.566.393
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	1.014.078.348	282.626.313
5. Phải trả công nhân viên	315		3.950.092.363	2.591.692.178
6. Chi phí phải trả	316		5.991.350	50.132.617
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.11	22.709.038.309	1.830.632.299
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.12	323.585.313	247.566.501
II. Nợ dài hạn	330		999.161.534	2.609.672.535
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.13	530.773.000	421.773.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	1.892.400.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		468.388.534	295.499.535
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		26.713.874.077	20.811.816.542
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	5.14	26.713.874.077	20.811.816.542
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		17.249.420.000	15.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.875.000.000	2.500.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.885.072.642	1.485.072.642
8. Quỹ Dự phòng tài chính	418		725.325.088	533.325.088
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.979.056.347	1.293.418.812
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		73.936.748.499	50.140.360.499

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	1/1/2009
5. Ngoại tệ các loại (USD)			406.50	404.90



Hà Văn Tiến
Giám đốc
Hải Phòng, ngày 5 tháng 3 năm 2010

Phạm Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	5.15	215.616.493.720	217.400.384.906
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		215.616.493.720	217.400.384.906
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	187.380.796.844	193.122.940.938
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.235.696.876	24.277.443.968
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	360.644.595	252.945.776
7. Chi phí tài chính	22	5.18	1.318.400.298	2.668.448.904
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.297.526.606	2.640.837.823
8. Chi phí bán hàng	24		13.520.690.819	13.268.087.417
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.884.652.979	3.338.171.123
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		9.872.597.375	5.255.682.300
11. Thu nhập khác	31		145.910.241	109.217.219
12. Chi phí khác	32		1.172.642	56.431.968
13. Lợi nhuận khác	40		144.737.599	52.785.251
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.017.334.974	5.308.467.551
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	2.556.534.473	1.464.686.265
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(68.139.846)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		7.528.940.347	3.843.781.286
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.669	2.563



Hà Văn Tiên
Giám đốc
Hải Phòng, ngày 5 tháng 3 năm 2010

Phạm Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
(Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009)

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	234.777.992.352	242.956.425.336
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(184.146.387.862)	(188.667.078.574)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(34.267.540.477)	(36.851.247.973)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.304.167.873)	(2.659.873.825)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(2.033.436.655)	(1.564.081.544)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.736.832.207	7.368.228.281
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(16.597.692.059)	(15.193.856.671)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.165.599.633	5.388.515.030
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(427.142.848)	(1.451.302.948)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		51.800.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	364.787.117	281.533.450
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(62.355.731)	(1.117.969.498)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	24.886.910.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	37.938.829.583	43.959.257.722
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(43.205.393.927)	(37.893.719.044)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.947.134.000)	(4.302.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	15.673.211.656	1.762.788.678
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	17.776.455.558	6.033.334.210
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.527.349.350	5.493.663.501
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	391.881	351.639
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	29.304.196.789	11.527.349.350



Hà Văn Tiên
Giám đốc
Hải Phòng, ngày 5 tháng 3 năm 2010

Phạm Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng